|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

**QUY ĐỊNH**

**Hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng**

**và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2019/QĐ-UBND*

*ngày  tháng  năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, bao gồm: Đầu tư xây dựng mới công trình tích trữ nước, hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, cống và kiên cố kênh mương đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định áp dụng đối với các tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) có liên quan trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Thủy lợi nhỏ là công trình thủy lợi có nhiệm vụ tích trữ nước, cấp nước, tưới, tiêu, thoát nước có quy mô nhỏ hơn: 20 ha đối với vùng miền núi; 100 ha đối với vùng đồng bằng.

2. Thủy lợi nội đồng là công trình kênh, mương, rạch, đường ống dẫn nước tưới, tiêu nước trong phạm vi từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác.

3. Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng là việc áp dụng quy trình kỹ thuật và thiết bị tiên tiến để tưới theo phương pháp nhỏ giọt, phun mưa, tưới ngầm, bảo đảm cấp nước theo nhu cầu của cây trồng cạn hoặc tưới ướt - khô xen kẽ cho cây lúa phù hợp từng giai đoạn sinh trưởng kết hợp với các biện pháp canh tác tiên tiến trong nông nghiệp.

4. Tổ chức thủy lợi cơ sở là tổ chức của những người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi cùng hợp tác đầu tư xây dựng hoặc quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

**Chương II**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4. Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước**

1. Nội dung chính sách hỗ trợ:

a) Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước được miễn tiền thuê đất khi nhà nước cho thuê đất xây dựng công trình;

b) Tổ chức thủy lợi cơ sở đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước được hỗ trợ 100% chi phí thiết kế và chi phí máy thi công nhưng không quá 200 triệu đồng/công trình.

2. Điều kiện hỗ trợ:

a) Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng;

b) Đối với chính sách quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, công trình tích trữ nước đảm bảo cấp nước, tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp cho tối thiểu 03 thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở; được tất cả các thành viên hưởng lợi đồng thuận đóng góp phần kinh phí còn lại; tổ chức thủy lợi cơ sở tự quản lý, khai thác công trình sau đầu tư.

**Điều 5. Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước**

1. Nội dung chính sách hỗ trợ:

a) Hỗ trợ một lần 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha;

b) Hỗ trợ 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

2. Điều kiện hỗ trợ:

a) Đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 0,1 ha trở lên; việc hỗ trợ cho cá nhân được thông qua tổ chức thủy lợi cơ sở;

b) Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 01 ha trở lên và phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất;

c) Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ các loại cây trồng là cây chủ lực của quốc gia, địa phương, có lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu từng vùng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 6. Hỗ trợ đầu tư xây dựng cống và kiên cố kênh mương**

1. Nội dung chính sách hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 70% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình, mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/công trình, riêng vùng trung du, miền núi hỗ trợ tối đa 90%, mức hỗ trợ không quá 250 triệu đồng/công trình;

2. Chính sách quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng.

**Điều 7. Nguồn kinh phí hỗ trợ**

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ địa phương thực hiện chính sách thông qua chương trình, dự án trực tiếp hoặc lồng ghép trong các chương trình, dự án có liên quan.

2. Ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác.

**Điều 8. Cơ chế hỗ trợ**

1. Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư như sau:

a) Khi khối lượng công việc đạt 60%, được giải ngân 50%;

b) Khi khối lượng công việc đạt 100%, được giải ngân 100%.

2. Trường hợp cùng thời gian, nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác), tổ chức, cá nhân được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

**Điều 9. Hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ**

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018;

b) Hồ sơ được phê duyệt;

c) Biên bản nghiệm thu giai đoạn hoặc nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào khai thác, sử dụng.

2. Thủ tục nhận hỗ trợ:

a) Đối với các công trình được hỗ trợ từ nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình, dự án: Việc thanh toán, giải ngân thực hiện theo các quy định của chương trình, dự án đó;

b) Đối với các công trình được hỗ trợ từ nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách và nguồn vốn hợp pháp khác: Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ (bản chính) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thanh toán giải ngân vốn hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo kế hoạch dự toán được phân bổ.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 10. Trách nhiệm của Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a)Tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn quy trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ, thiết kế mẫu, thiết kế điển hình công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

b) Phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện chính sách.

c) Theo dõi, hướng dẫn và tổng hợp, báo cáo tiến độ, lập kế hoạch hàng năm và đánh giá kết quả thực hiện chính sách công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước hàng năm theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn các địa phương về thủ tục cấp phát, thanh quyết toán; tổng hợp và quyết toán chính sách trên địa bàn tỉnh;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan cân đối nguồn ngân sách hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách;

c) Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế bố trí kinh phí thực hiện chính sách theo Quy định này vào dự toán cấp huyện hàng năm;

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện chính sách theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Uỷ ban nhân dân hàng năm bố trí lồng ghép các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, nguồn từ các chương trình, dự án có liên quan để thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết các thủ tục đất đai xây dựng công trình thủy lợi trong quá trình thực hiện Quy định này.

5. Các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm theo dõi, giám sát, phối hợp tổ chức thực hiện Quy định này.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế

a) Phổ biến, quán triệt Quy định này đến các tổ chức và cá nhân có liên quan hiểu và triển khai thực hiện tốt chính sách này;

b) Chủ động bố trí ngân sách cấp huyện, tùy theo khả năng cân đối ngân sách để quyết định hỗ trợ cho phù hợp;

c) Xây dựng kế hoạch hằng năm báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bố kinh phí để thực hiện. Cân đối, giao kế hoạch và kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ hàng năm cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn để triển khai thực hiện;

đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân hiểu và triển khai thực hiện tốt chính sách này; Lập kế hoạch hằng năm trình Uỷ ban nhân dân cấp huyện xem xét, tổng hợp; thực hiện tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ; tổ chức thẩm định và quyết định chi trả tiền ngân sách hỗ trợ theo đúng đối tượng, đúng mức hỗ trợ theo quy định; kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách ở địa phương; định kỳ hằng quý, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định;

e) Kiểm tra, giám sát và tổng hợp, báo cáo quyết toán kinh phí gửi Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đúng quy định hiện hành;

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân hiểu và triển khai thực hiện tốt chính sách này;

b) Lập kế hoạch hằng năm trình Uỷ ban nhân dân cấp huyện xem xét, tổng hợp;

c) Thông báo công khai danh sách tổ chức, cá nhân được nhận hỗ trợ tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm văn hóa các thôn và thông báo trên phương tiện truyền thanh cấp xã để tổ chức, cá nhân biết và thực hiện;

d) Thực hiện tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ; tổ chức thẩm định hồ sơ và quyết định chi trả tiền ngân sách hỗ trợ theo đúng đối tượng, đúng mức hỗ trợ theo quy định;

đ) Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách ở địa phương, trường hợp phát hiện đối tượng lợi dụng chính sách phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh để kiểm tra, xử lý theo đúng quy định;

e) Định kỳ hằng quý tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được hỗ trợ

a) Lập hồ sơ theo quy định gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để thẩm định và quyết định chi trả tiền ngân sách hỗ trợ;

b) Quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và đúng quy định hiện hành.

**Điều 11. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** |